TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 8-T **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 -T

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 123/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B U, khu phố D, phường K, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp C, xã M, tỉnh T.

Bà C vắng mặt có đơn vắng mặt;

Ông N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C *trình bày:*

Năm 2010, bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn. Nay bà C nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Có hai con chung, Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 12/11/2007 đã trưởng thành, Nguyễn Trọng S, sinh ngày 06/7/2011, hiện đang

sống với ông N, bà C yêu cầu ông N nuôi dưỡng S, bà C không cấp dưỡng nuôi S.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Nguyễn Văn N *vắng mặt, không có ý kiến*.

Tại phiên tòa, bà C vắng mặt, bà C xác định trong đơn xin xét xử vắng mặt là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N vắng mặt, không có ý kiến.

Do bà C, ông N vắng mặt không hòa giải được. Tòa án tiến hành xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"*. Ông Nguyễn Văn N cư trú tại ấp C, xã M, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8- T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục giải quyết: Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc C*, ông* Nguyễn Văn N*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 320 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà C, ông N.

[4]. Về hôn nhân: Ngày 24/5/2010, bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[5]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C*:*

[5.1]. Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân nhiều năm. Ông Nguyễn Văn N không đến tham gia tố tụng thể hiện việc không có mong muốn hòa giải đoàn tụ. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà C và ông N là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông N.

[5.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng S, sinh ngày 06/7/2011, hiện đang sống với ông N. Ông N không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Con chung Nguyễn Trọng S có ý kiến sống chung với ông N. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà C, ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng S.

[5.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trọng S. Ông Nguyễn Văn N không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, chấp nhận ý kiến bà C, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trọng S.

[5.4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày không có yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Văn N không có ý kiến nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của bà C về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[5.5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày không có, ông Nguyễn Văn N không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến của bà C về việc không có nợ chung.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo thủ tục rút gọn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 320 và Điều 322 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng S, sinh ngày 06/7/2011, hiện đang sống với ông N.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trọng S.

4. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

5. Về tài sản chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc không có yêu cầu giải quyết tài sản chung.

6. Về nợ chung: Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc không có nợ chung.

7. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0012567 ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-T, hoàn trả bà C số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8- T;
- Phòng THADS khu vực 8- T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L